

Kế hoạch chi tiêu trung hạn và yêu cầu đặt ra đối với xây dựng hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ

Vai trò của Hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ trong xây dựng và thực hiện Kế hoạch chi tiêu trung hạn

Quản lý chi tiêu công hiệu quả là một trong những yêu cầu quan trọng của quản lý tài chính công, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, quản lý chi tiêu công phải đảm bảo được các yêu cầu cơ bản: (i) Nguồn lực tài chính công được phân bổ theo các mục tiêu chiến lược và phù hợp với các thứ tự ưu tiên; (ii) Đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đề ra đối với các khoản chi tiêu; và (iii) Tuân thủ nghiêm kỷ luật tài khóa. Để đảm bảo các yêu cầu trên, Khuôn khổ chi tiêu trung hạn (MTEF)¹ đã được nghiên cứu và triển khai áp dụng ở nhiều nước cùng với việc thiết lập một Hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ (GFMIS).

Kế hoạch chi tiêu trung hạn và những ưu điểm

Theo Ngân hàng Thế giới, MTEF là sự cân đối giữa khả năng nguồn lực được tính toán từ trên xuống và chi phí được ước tính từ dưới lên để thực thi chính sách trong ngắn hạn và trung hạn trong khuôn khổ quy trình ngân sách hàng năm².

Về bản chất, MTEF là một phương pháp soạn lập ngân sách nhà nước (NSNN), trong đó kinh phí phân bổ cho các hoạt động của Chính phủ phải phù hợp với những ưu tiên chiến lược của mỗi quốc gia, nhằm đạt được các mục tiêu đề ra cho khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm, theo phương thức cuốn chiếu.

Việc áp dụng MTEF có những ưu điểm sau đây:

Một là, phân bổ hiệu quả các nguồn lực công. MTEF tạo điều kiện sử dụng ngân sách một cách hợp lý trong phạm vi trần chi tiêu, phân bổ hiệu quả nguồn lực tài chính công phù hợp với các chính sách và ưu tiên chiến lược của Chính phủ trong một không gian tài khóa nhiều năm. Từ đó, tăng tính hiệu quả trong quản lý ngân sách về mặt kỹ thuật, đặc biệt là hiệu quả của chi phí đầu tư và chi tiêu.

Hai là, tăng cường kỷ luật tài khóa. Lập ngân sách theo MTEF góp phần tăng cường kỷ luật tài khóa tổng thể thông qua việc ước tính nguồn lực khả dụng trong trung hạn, qua đó xác định mức trần chi tiêu cho từng ngành, lĩnh vực. Do đó, chính sách tài khóa theo MTEF có thể khắc phục được những tồn tại, hạn chế của chính sách tài khóa truyền thống hay lập ngân sách hàng năm³.

Ba là, MTEF góp phần tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý và sử dụng NSNN.

Bốn là, MTEF góp phần phân tích, đánh giá và cải thiện những vấn đề tồn tại trong việc huy động và phân bổ nguồn lực, điều chỉnh chính sách chiến lược ưu tiên và những mất cân đối giữa nguồn lực và đề xuất chi tiêu công của các ngành, các lĩnh vực, qua đó xác định rõ nhu cầu chi tiêu công. MTEF giúp cho việc lập kế hoạch và thực hiện chính sách tài khóa thuận lợi hơn và có sự gắn kết tốt hơn với các mục tiêu tài khóa trung hạn⁴, gắn kết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với việc phân bổ nguồn lực NSNN thực hiện các nhiệm vụ của các bộ chi tiêu ngân sách.

Thực tế, mô hình ngân sách trung hạn đã được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới nhưng dưới các dạng thức khác nhau. Vương quốc Anh áp dụng lập kế hoạch chi ngân sách nhiều năm khá sớm, từ năm 1961 với tên gọi “Kế hoạch chi tiêu công”. Năm 1980, Chính phủ Úc đã thực hiện chương trình cải cách tài chính công một cách toàn diện bằng việc đưa ra giải pháp sử dụng hệ thống lập dự toán trung hạn MTEF. Sau đó, các nước Đan Mạch, Niu-di-lân, Hà Lan và Na Uy áp dụng vào cuối những năm 1980, đầu những năm 1990. Đến cuối năm 2008, khoảng 132 nước áp dụng một hình thức nào đó của Khuôn khổ trung hạn, trong đó 71 nước áp dụng Khuôn khổ tài khóa trung hạn (MTFF), 42 nước áp dụng Khuôn khổ ngân sách trung hạn (MTBF) và 19 nước áp dụng MTEF.

Vai trò của GFMIS trong thực hiện MTEF

¹ Hay còn gọi là Khuôn khổ trung hạn theo kết quả hoạt động (Medium Term Performance Framework - MTPF).

² World Bank (1998). “Public Expenditure Management Handbook”.

³ Một số hạn chế của chính sách tài khóa truyền thống như: (i) Chỉ tập trung vào mục tiêu ngắn hạn; (ii) Không xem xét đến lợi ích và chi phí trong trung hạn của các quyết định về chính sách tài khóa; (iii) Chủ yếu quan tâm đến đầu vào, ít quan tâm đến đầu ra; (iv) Chính sách tài khóa ngắn hạn, thay đổi chính sách mang tính đối phó, ít có động lực thay đổi vì mục tiêu dài hạn và (v) Quyền tự chủ của đơn vị thụ hưởng ngân sách thấp.

⁴ Suhas Joshi, “Moving to Medium-term Budgeting - essentials and experiences”, Policy Dialogue with NIF researchers, Hanoi, 8/2011.

Để xây dựng và thực hiện MTEF hiệu quả đòi hỏi một hệ thống thông tin tài chính liên quan tới các hoạt động của Chính phủ trong một thời kỳ trung hạn trước đó cũng như việc ghi chép, lưu giữ các thông tin tài chính liên quan đến các hoạt động của Chính phủ khi áp dụng MTEF. MTEF có đặc trưng là sử dụng có hệ thống dữ liệu thông tin đánh giá kết quả hoạt động trên cơ sở các yếu tố định lượng, theo kết quả đầu ra và việc phân bổ ngân sách gắn chặt với kết quả thực hiện công việc. Do đó, thông qua các thông tin tài chính về các hoạt động của Chính phủ mà các nhà hoạch định chính sách có những đánh giá, điều chỉnh chính sách tài chính cho phù hợp với tình hình và bối cảnh ở từng thời điểm. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực công cũng như nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội. Điều này cho thấy GFMIS có vai trò quan trọng trong hoạch định và thực thi chính sách công.

Hiện nay, theo tài liệu của Ngân hàng Thế giới, chưa có định nghĩa chính thức về GFMIS. Về cơ bản, GFMIS được hiểu như một tập hợp các hệ thống được tích hợp lại để vận hành như một khối thống nhất nhằm hỗ trợ hoạt động quản lý tài chính đảm bảo tuân thủ theo luật pháp của quốc gia sở tại và các thông lệ quốc tế. GFMIS được sử dụng như một hệ thống tài chính tập trung, thống nhất dựa trên nền tảng internet nhằm hỗ trợ và ghi nhận các hoạt động hàng ngày về thu - chi ngân sách, tổng hợp và báo cáo, hệ thống này cũng có chức năng cung cấp các dữ liệu như đầu vào cho các công cụ khai thác và phân tích dữ liệu chuyên sâu, phân tích dữ liệu theo chủ đề.

GFMIS không chỉ tổ chức và lưu trữ tất cả các thông tin tài chính liên quan tới chi tiêu hiện tại và các năm trước, mà còn lưu thông tin ngân sách được phê duyệt cho các năm đó, chi tiết các khoản thu, chi, cũng như vật tư, tài sản và các khoản nợ công (nợ và các khoản phải trả).

Các thành phần của GFMIS bao gồm sự kết hợp của các hệ thống thông tin kho bạc (T), quản lý ngân sách (B) và các hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ khác (O).

GFMIS có một số ưu điểm nổi bật. Chẳng hạn, GFMIS được xây dựng và sử dụng như một hệ thống lõi, đảm bảo tính kết nối và khả năng tích hợp tất cả các dòng dữ liệu tài chính chính phủ tại các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan, từ đó tạo lập một hệ thống kho dữ liệu tài chính quốc gia, cung cấp các dữ liệu như đầu vào cho các công cụ khai thác và phân tích dữ liệu chuyên sâu, phân tích dữ liệu theo chủ đề. Không những thế, GFMIS cung cấp thông tin tài chính chính xác và kịp thời, qua đó hỗ trợ Chính phủ trong việc điều hành chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tài chính, tiền tệ cũng như đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của Chính phủ.

GFMIS còn là một yếu tố quan trọng của hệ thống quản lý chi tiêu đảm bảo tính đầy đủ của khuôn khổ ngân sách, cho phép cung cấp thông tin tài chính chính phủ theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống tài chính quốc gia⁵.

Bên cạnh đó, GFMIS giúp nâng cao năng lực lập ngân sách thông qua việc xây dựng một hệ thống lập dự toán ngân sách, tăng cường hiệu quả chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các lĩnh vực quản lý ngân sách. Đối với lập ngân sách, hệ thống lập ngân sách sẽ sử dụng chung cho các bộ, ngành, cơ quan tài chính địa phương các cấp để nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát hiệu quả, hiệu lực quản lý NSNN, đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện.

Với những ưu điểm trên, có thể thấy GFMIS là công cụ nhằm thực hiện các nhiệm vụ khác nhau bao gồm: xây dựng chính sách tài khóa và tiền tệ phù hợp với sự thay đổi của các điều kiện kinh tế vĩ mô, thực hiện phân tích chính sách nhằm đảm bảo phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ công⁶.

Ngoài ra, GFMIS được coi như một tập hợp các giải pháp hiện đại hóa trợ giúp Chính phủ trong công tác lập kế hoạch, thực hiện và giám sát ngân sách, góp phần tăng cường tính hiệu quả và tính cân bằng của tài chính chính phủ, tăng khả năng dự báo NSNN, đặc biệt GFMIS là một công cụ hữu hiệu cho việc áp dụng triển khai hiệu quả MTEF trong cải cách ngân sách.

Kinh nghiệm xây dựng GFMIS nhằm hỗ trợ việc áp dụng MTEF

Nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay đang phải đối mặt với áp lực ngày càng gia tăng trong việc cải thiện quản lý tài khóa và hệ thống báo cáo. Với những ưu điểm nêu trên, GFMIS trở thành sự lựa chọn của nhiều quốc gia trong việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin quản lý tài chính chính phủ, đặc biệt là những quốc gia áp dụng MTEF.

⁵ IMF (2001). “Tracking of Poverty-Reducing Public Spending in HIPC”.

⁶ Junghun Cho. “Information Flow Successful MTEF Operation and its Implication to the Korean Government”. World Bank.

Từ giữa những năm 90 của thế kỷ XX, Mông Cổ đã thực hiện cải cách quản lý tài chính công, trong đó áp dụng khuôn khổ ngân sách trung hạn nhằm đảm bảo các ưu tiên chính sách phù hợp với nguồn lực ngân sách, hợp lý hóa hệ thống định mức và quy trình. Tuy nhiên, chưa có một hệ thống quản lý thông tin tài chính hiệu quả nào, gây hạn chế cho hệ thống báo cáo và kiểm soát chi.

Để tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình, đơn giản hóa quy trình và nâng cao hiệu quả quản lý tiền mặt, GFMIS được triển khai và áp dụng với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới. Trong giai đoạn đầu, GFMIS được thiết kế với lõi là hệ thống kho bạc, hỗ trợ cho việc thực hiện ngân sách, hoạt động của tài khoản kho bạc đơn nhất (TSA), quản lý tiền mặt, quản lý nợ, kiểm soát cam kết tài chính, kế toán và hệ thống báo cáo. Sau đó, hệ thống được mở rộng, chuyển sang lõi là hệ thống quản lý tài chính công⁷ (FMIS), bằng việc bổ sung các phân hệ lập dự toán ngân sách (nhằm hỗ trợ Khuôn khổ ngân sách trung hạn). GFMIS đã chính thức hoạt động từ năm 2005, kỷ luật tài khóa được cải thiện, kiểm soát chặt chẽ chi tiêu ngay cả trong giai đoạn đầu của quá trình thực hiện⁸. Thặng dư NSNN 3,2% GDP năm 2005 là kết quả của việc tăng cường kiểm soát chi và tăng trưởng kinh tế. Theo thống kê của Ngân hàng Phát triển và Tái cấu trúc châu Âu (EBRD), chi NSNN của Mông Cổ giảm từ 40% GDP xuống còn 34% GDP năm 2005⁹.

Chương trình cải cách tài khóa chiến lược của Chính phủ Gioóc-đa-ni có nhiệm vụ triển khai MTEF và GFMIS nhằm quản lý hiệu quả nguồn lực công và tăng cường minh bạch tài khóa, ngân sách và chi tiêu công. MTEF được áp dụng cho khoảng thời gian 3 năm kể từ 2008. Cùng với đó, dự án GFMIS bắt đầu từ năm 2008 và hoàn thành năm 2012. Đây là một hệ thống quản lý tài chính kế toán đầy đủ, kết nối các bộ, ngành, các cơ quan chính phủ và các trung tâm tài chính địa phương với Bộ Tài chính, cho phép kiểm soát tự động và tích hợp các quy trình tài chính chính phủ, từ giai đoạn chuẩn bị ngân sách, thực hiện ngân sách đến báo cáo ngân sách¹⁰.

Tuy nhiên, một số nước gặp khó khăn trong quá trình áp dụng GFMIS. Như trường hợp của Thái Lan, GFMIS được áp dụng từ năm 2004, song bên cạnh một số thành công, còn những bất cập như thiếu phối hợp giữa các cơ quan, ngành liên quan, thiếu chính sách hỗ trợ cũng như các hoạt động đánh giá và đào tạo. Trong chuyển giao ngân sách, vẫn có sự chậm trễ, nhầm lẫn dữ liệu đầu vào; có khó khăn trong việc kiểm tra tình hình tài khóa của các cơ quan chính phủ, trong vấn đề mã hóa, thay đổi quy định và thời gian khắc phục, sửa chữa sai sót tương đối lâu¹¹.

Một trường hợp khác là Ga-na, năm 1996, Chính phủ Ga-na thực hiện chương trình cải cách quản lý tài chính công, bao gồm việc áp dụng giải pháp GFMIS, gọi là hệ thống quản lý ngân sách và chi tiêu công (BPEMS) cùng với việc đưa vào áp dụng MTEF. Dự án bị chậm trễ và thất bại do thiếu chiến lược đầy đủ và đảm bảo nghĩa vụ của các bên tham gia¹².

Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi xây dựng MTEF và việc thiết lập GFMIS

Để xây dựng một nền tài chính công lành mạnh, đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực, kế hoạch tài chính (KHTC) trung hạn và kế hoạch chi tiêu (KHCT) trung hạn đã được áp dụng thí điểm ở Việt Nam trong giai đoạn 2001 - 2010 và đem lại những kết quả tích cực như: (i) nâng cao chất lượng công tác dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dự báo tài khóa trung hạn; (ii) nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý và sử dụng NSNN; (iii) góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong quản lý tài chính ngân sách; (iv) thí điểm thực hiện KHTC và KHCT trung hạn đã có sự gắn kết với công tác xây dựng dự toán ngân sách năm; (v) góp phần hoàn thiện phương pháp luận về KHTC và KHCT trung hạn, đồng thời nâng cao sự hiểu biết cũng như năng lực lập KHTC và KHCT trung hạn cho các cán bộ làm công tác kế hoạch, tài chính, ngân sách.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, triển khai thực hiện thí điểm xây dựng KHTC và KHCT trung hạn cũng còn những bất cập, tồn tại. Một trong những tồn tại lớn nhất là hệ thống dữ liệu, số liệu cung cấp thông tin cho việc lập KHTC và KHCT trung hạn còn thiếu ở các ngành, các cấp gây khó

⁷ Hệ thống thông tin quản lý tài chính là một tập hợp các giải pháp tự động hóa nhằm tạo điều kiện cho Chính phủ lập kế hoạch thực hiện và giám sát ngân sách.

⁸ World Bank (2011). “Financial Management Information Systems”.

⁹ FreeBalance: <http://www.freebalance.com/customers/asia.asp>.

¹⁰ USAID (2011). “Public Expenditure Perspectives”.

¹¹ Tippawan Lersuwannarat (2006). “Lessons learned from E-Government in Thailand”. Seminar on “Modernising the Civil Service in Alignment with National Development Goals”. Eastern Regional Organization for Public Administration (EROPA) in Brunei Darussalam.

¹² World Bank (2011). “Financial Management Information Systems”.

khẩn cho việc tính toán xác lập KHCT trung hạn của ngành, dẫn đến những số liệu được tính toán trong các biểu mẫu báo cáo không chuẩn xác, thường chỉ dự báo theo xu thế, độ tin cậy chưa cao, khiến cho sự hỗ trợ của KHCT và KHCT trung hạn trong việc nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch ngân sách hàng năm. Thực tế, khái niệm và các vấn đề liên quan đến GFMS chưa thực sự được đề cập nhiều và chưa được triển khai áp dụng trong thời gian này.

Thiết lập hệ thống thông tin quản lý tài chính quốc gia là yêu cầu cần thiết nhằm đảm bảo quản lý tài chính công chặt chẽ và hiệu quả. Ngày 18/4/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020. Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 và Quyết định số 304/QĐ-BTC ngày 17/02/2014 về Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2014 - 2016 triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020, trong đó có kế hoạch xây dựng và triển khai thực hiện GFMS. Việc xây dựng và triển khai GFMS cũng đã được nêu cụ thể tại Kết luận số 08-KL/BCSĐ ngày 16/4/2014 của Ban cán sự Đảng Bộ Tài chính. Theo đó, việc nghiên cứu, xây dựng mô hình và lộ trình GFMS đang được các cơ quan liên quan trong Bộ Tài chính triển khai thực hiện. Ngoài ra, ngày 05/8/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 22/CT-TTg về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chỉ thị số 23/CT-TTg về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020. Điều này cho thấy việc xây dựng GFMS nhằm hỗ trợ triển khai thực hiện KHCT trung hạn đang trở thành vấn đề cấp thiết hiện nay.

Việc thiết kế, xây dựng GFMS phải đảm bảo một số yêu cầu, đặc biệt là các yêu cầu trong điều kiện triển khai MTEF. Việc tích hợp GFMS cần đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin yêu cầu của MTEF. Bên cạnh đó, phạm vi của GFMS trong khuôn khổ MTEF phải được mở rộng để bao gồm cả chi tiêu của chính quyền địa phương; thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời phù hợp với khuôn khổ MTEF. Việt Nam là một nước đang trong quá trình phát triển nên những thay đổi sẽ nhiều hơn và nhanh hơn nên xây dựng GFMS cần chú trọng tính ổn định và rõ ràng của các cơ chế, chính sách tài chính. Ngoài ra, hệ thống NSNN Việt Nam hiện nay mang tính lồng ghép. Do đó, việc thiết kế, xây dựng GFMS cần đảm bảo phù hợp với đặc điểm riêng của hệ thống ngân sách Việt Nam.

Để đạt được những yêu cầu trên trong xây dựng, triển khai MTEF và GFMS, cần lưu ý một số vấn đề sau:

Kế hoạch triển khai

Cần tiến hành cải cách một cách tuần tự, hợp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro khi áp dụng đồng thời MTEF và GFMS. Giai đoạn đầu có thể thực hiện một số cải cách cơ bản như thống nhất và cải thiện phân loại ngân sách đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, phạm vi, kế toán đồ, phương pháp thống kê... Giai đoạn tiếp theo là tiến đến rà soát và hoàn thiện quy trình ngân sách. Một số bước cơ bản của giai đoạn này là xác định những hạn chế của quy trình ngân sách hiện hành, thiết kế quy trình ngân sách mới trong điều kiện áp dụng MTEF...

Thời gian và nguồn lực

Cả MTEF và GFMS đều cần được chuẩn bị kỹ về nguồn lực và thời gian: sẽ tốn kém nhiều chi phí và mất một thời gian khá dài (5 - 10 năm) để phát triển những kế hoạch chiến lược và đưa GFMS vào sử dụng¹³. Ngoài ra, cần đặc biệt chú trọng đến yếu tố đào tạo, tập huấn nghiệp vụ để đảm bảo hiệu quả triển khai MTEF và GFMS.

Phối hợp giữa các tổ chức và cơ quan liên quan

Thực hiện lập ngân sách theo MTEF là một sự cải cách triệt để về cơ chế quản lý ở khu vực công. Điều này sẽ làm nảy sinh nhiều thách thức mới, đặc biệt là làm rõ tính minh bạch và trách nhiệm trong quản lý. Trách nhiệm ở đây không chỉ dừng lại ở đầu ra, mà phải gắn với kết quả và mục tiêu chính sách đã lựa chọn. Thêm vào đó, cần đảm bảo sự phối hợp giữa các tổ chức và cơ quan liên quan nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho MTEF.

Vai trò lãnh đạo

Hỗ trợ và cam kết thực hiện của các nhà lãnh đạo cao cấp là cần thiết đối với tiến trình cải cách ngân sách và sử dụng hiệu quả GFMS. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, vai trò lãnh đạo, cam kết và hỗ trợ của cán bộ cấp cao có tầm quan trọng đối với sự thành công của hệ thống soạn lập ngân sách theo MTEF và sử dụng hiệu quả hơn GFMS. Không có sự hỗ trợ của cán bộ lãnh đạo cao cấp thì không thể

¹³ Khoảng thời gian trung bình cho việc xây dựng Hệ thống quản lý tài chính công (PFMS) tại những dự án được Ngân hàng Thế giới hỗ trợ là 6,7 năm (World Bank's Experience With Financial Management Information System (FMIS) project. William Dorotinsky and Junghun Cho (2004), World Bank, Washington, D.C).

nào tiến tới thay đổi cơ chế. Ngoài ra, những người lãnh đạo cấp cao cần tham gia tích cực cả về xây dựng chính sách lẫn triển khai thực hiện trên hệ thống.

ThS. Lê Thị Mai Liên - ThS. Nguyễn Thị Thúy

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu Hội thảo khoa học “Tăng cường bền vững tài khóa: Khuôn khổ chi tiêu trung hạn” tại Hà Nội, 2012.
2. World Bank (2011). “Financial Management Information Systems”.
3. Junghun Cho. “Information Flow Successful MTEF Operation and its Implication to the Korean Government”. World Bank.